

UBND TỈNH HƯNG YÊN
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1201/SGDDĐT-VP

V/v góp ý dự thảo Kế hoạch Tăng cường ứng dụng CNTT trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025

Hưng Yên, ngày 20 tháng 7 năm 2017

Kính gửi:

- Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện/TP;
- Các trường, trung tâm trực thuộc Sở;

Thực hiện Công văn số 260/UBND-KGVX ngày 16/2/2017 của UBND tỉnh Hưng Yên v/v triển khai Quyết định 117/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ;

Căn cứ Quyết định 117/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Đề án Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy-học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025;

Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng Kế hoạch Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy-học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025;

Để hoàn thiện văn bản trước khi trình UBND tỉnh ban hành, Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị Trưởng phòng GD&ĐT các huyện/TP, thủ trưởng các trường, trung tâm trực thuộc Sở chỉ đạo tổ chức nghiên cứu, tham gia ý kiến vào dự thảo Kế hoạch (có dự thảo Kế hoạch kèm theo).

Dự thảo Kế hoạch được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Sở tại địa chỉ <http://hungyen.edu.vn>, chuyên mục Văn bản/Văn bản Sở/CNTT.

Các ý kiến tham gia của đơn vị đề nghị gửi về Sở trước ngày **28/7/2017** bằng file điện tử gửi tới hộp thư vanphong.sohungyen@moet.edu.vn hoặc góp ý trực tiếp vào dự thảo Kế hoạch (Văn phòng Sở tập hợp) để chỉnh sửa, hoàn thiện văn bản trình UBND tỉnh.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Ban giám đốc ;
- Các Phòng chức năng thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP.



Đỗ Văn Khải

Số : /KH-UBND

Hưng Yên, ngày tháng 7 năm 2017

DỰ THẢO

KẾ HOẠCH

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng Giáo dục Đào tạo giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

Luật Giao dịch điện tử của Quốc hội ban hành ngày 29/22/2005;

Luật Công nghệ thông tin (CNTT) của Quốc hội ban hành ngày 29/6/2006;

Nghị quyết 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính quyền điện tử;

Thông tư 53/2012/TT-BGDĐT ngày 20/12/2012 của Bộ GDĐT quy định về tổ chức hoạt động, sử dụng thư điện tử và cổng thông tin điện tử tại sở giáo dục và đào tạo, phòng giáo dục và đào tạo và các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

Quyết định 117/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Đề án Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy-học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng Giáo dục Đào tạo giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025;

Quyết định 6200/QĐ-BGD&ĐT ngày 30/12/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo v/v Phê duyệt Kế hoạch UD CNTT giai đoạn 2016-2020;

Công văn số 260/UBND-KGVX ngày 16/2/2017 của UBND tỉnh Hưng Yên v/v triển khai Quyết định 117/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ;

Công văn số 1166/BGDĐT-CNTT ngày 23/3/2017 của Bộ GD&ĐT v/v triển khai Quyết định 117/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ;

II. HIỆN TRẠNG ỨNG DỤNG CNTT TRONG NGÀNH GD&ĐT TỈNH HƯNG YÊN

1. Hạ tầng kỹ thuật

Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin tại các đơn vị trường học thuộc khối Cao đẳng, trung học phổ thông, trung học cơ sở đã đầu tư trang bị đáp ứng tương đối tốt nhu cầu dạy và học của giáo viên, học sinh. Với 100% các trường học đều đã được trang bị máy tính và kết nối Internet; 100% các trường Đại học, Cao đẳng, trung học phổ thông và 79% trường trung học cơ sở được trang bị phòng máy tính phục vụ việc giảng dạy tin học.

Hệ thống phòng họp ảo đã được triển khai trên địa bàn tỉnh với 11 điểm (Sở và 10 phòng GD&ĐT). Chưa có phòng họp trực tuyến.

Tại cơ quan văn phòng sở GDĐT: mỗi cán bộ chuyên viên đều được trang bị

01 máy vi tính; hệ thống mạng Internet có dây và không dây (wifi) hoạt động tốt góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác điều hành;

100% cán bộ, công chức tại các phòng giáo dục đều có máy tính sử dụng trong công việc

100% các trường đều có sử dụng các phần mềm trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập.

Bảng thống kê thực trạng đầu tư và ứng dụng CNTT trong giáo dục:

STT	Chỉ tiêu điều tra	MG, MN	Tiểu học	THCS	THPT	Liên cấp 1+2+3	GDNN - GDTX	Phòng GDĐT	Sở GDĐT
1	Qui mô								
1.1	Tổng số đơn vị	182	171	171	38	1	11	10	1
1.2	Tổng số cán bộ, giáo viên	4037	5388	5251	2276	222	288	87	54
1.3	Tổng số học sinh	80210	97387	60952	32270	1402	2121	x	x
2	Tổ chức, nguồn nhân lực								
2.1	Tổng số đơn vị có bộ phận, cán bộ phụ trách CNTT	136	127	137	38	1	11	12	1
2.2	Tổng số giáo viên dạy môn Tin học	x	58	217	126	2	22	x	x
2.3	Tổng số đơn vị <i>chưa có giáo viên</i> dạy tin học	x	103	10	0	0	1	x	x
2.4	Tổng số cán bộ, giáo viên đã tham gia các lớp bồi dưỡng về kỹ năng sử dụng CNTT theo chuẩn kỹ năng cơ bản của Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ TT&TT	1532	2422	2493	1488	222	49	58	2
2.5	Tổng số giáo viên đã tham gia các lớp bồi dưỡng về công nghệ soạn bài giảng e-Learning	500	1206	1580	1593	0	126	20	2
2.6	Số giáo viên có thể sử dụng ứng dụng CNTT cơ bản để hỗ trợ dạy học (dùng phần mềm trình chiếu, soạn thảo văn bản, khai thác Internet, ..)	2647	4047	4188	2223	102	203	x	x
2.7	Số giáo viên có thể sử dụng thành thạo các công cụ e-Learning	358	896	1353	1134	0	67	x	x
3	Hạ tầng, thiết bị								
3.1	Tổng số đơn vị kết nối Internet tốc độ cao	171	167	173	30	1	9	11	1
3.2	Tổng số đơn vị có mạng LAN	122	117	116	72	1	7	8	1
3.3	Tổng số đơn vị có phòng họp trực tuyến	22	18	23	21	0	0	0	0
3.4	Tổng số máy tính	1133	2560	3027	2214	153	544	110	65
3.5	Tổng số máy in	367	546	586	324	18	77	100	50
3.6	Tổng số đơn vị <i>chưa được trang bị đủ</i> thiết bị CNTT phục vụ công tác quản lý, điều hành	0	6	1	3	0	3	0	0
3.7	Tổng số phòng máy tính phục vụ dạy - học môn Tin học	191	562	868	75	2	73	x	x
3.8	Tổng số đơn vị <i>chưa có phòng máy tính</i> phục vụ dạy - học môn Tin học	66	96	65	0	0	1	x	x

3.9	Tổng số phòng học được trang bị giải pháp "phòng học thông minh" (có bảng tương tác, hoặc sử dụng các thiết bị tương tác phục vụ dạy - học)	21	231	170	96	0	0	x	x
4	Ứng dụng CNTT trong quản lý, điều hành								
4.1	Tổng số đơn vị dùng phần mềm quản lý văn phòng, quản lý văn bản trực tuyến	5	11	7	30	1	3	8	1
4.2	Tổng số đơn vị dùng phần mềm quản lý kế toán	171	170	172	36	1	9	10	10
4.3	Tổng số đơn vị dùng phần mềm quản lý học sinh trực tuyến	142	166	170	27	1	1	x	x
4.4	Tổng số đơn vị thực hiện dịch vụ xét tuyển học sinh đầu cấp trực tuyến	0	0	1	3	1	0	2	1
4.5	Tổng số đơn vị cung cấp thông báo kết quả học tập, rèn luyện qua tin nhắn, email, website của đơn vị	0	45	83	21	1	3	x	x
4.6	Tổng số đơn vị đã có website	55	93	98	30	1	1	18	18
4.7	Số đơn vị đã được cấp email quản lý (với tên miền riêng có dạng @*.edu.vn)	180	166	171	30	1	11	10	10
4.8	Số cán bộ, giáo viên đã được cấp email (với tên miền riêng có dạng @*.edu.vn)	3	0	31	234	222	1	51	51
4.9	Tổng số cuộc họp, bồi dưỡng chuyên môn qua mạng đã được tổ chức trong năm học 2016-2017	x	x	x	x	x	x	33	5
5	Dịch vụ công trực tuyến								
5.1	Số dịch vụ công mức độ 2 đã triển khai	x	x	x	x	x	x	3	90
5.2	Số dịch vụ công mức độ 3 đã triển khai	x	x	x	x	x	x	0	3
5.3	Số dịch vụ công mức độ 4 đã triển khai	x	x	x	x	x	x	0	0
6	Thuê dịch vụ CNTT				0				
6.1	Số đơn vị triển khai thuê ít nhất 01 dịch vụ ứng dụng CNTT (theo Quyết định số 80/2014/Đ-TTg ngày 30/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định thí điểm về thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước)	25	28	38	15	0	7	6	1
7	Phần mềm mã nguồn mở								
7.1	Số cán bộ, giáo viên được bồi dưỡng sử dụng phần mềm nguồn mở	710	1263	1427	729	0	0	40	2
7.2	Số lượng website trong ngành được xây dựng trên nền phần mềm nguồn mở	20	18	27	21	0	0	4	1

2. Ứng dụng CNTT trong Ngành

a) Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc:

Phần mềm quản lý văn bản do UBND tỉnh trang bị hiện đang triển khai tại cơ quan sở GDĐT đã đáp ứng các yêu cầu cơ bản về chức năng, tính năng kỹ thuật, đã góp phần giảm đáng kể chi phí, thời gian gửi nhận văn bản, tài liệu.

b) Hệ thống thư điện tử:

Hệ thống thư điện tử của Bộ GD&ĐT (*@moet.edu.vn) đã được triển khai, đưa vào khai thác tại 100% các cơ quan, cơ sở giáo dục. Bên cạnh đó, còn CBGV sử dụng hộp thư với các tên miền khác nhau, việc sử dụng thư điện tử đã thành nề nếp của cán bộ giáo viên ngành GDĐT. Đối với Cơ quan Sở, 100% phòng ban và từng cá nhân CBCC được cấp hộp thư điện tử theo tên miền của tỉnh (*@hungyen.gov.vn)

c) Tổ chức các cuộc họp qua mạng:

Hệ thống hội nghị trực tuyến đã được sở GDĐT triển khai xây dựng từ năm 2015 bao gồm 10 điểm cầu, hiện nay đang được vận hành, ổn định và bảo đảm điều kiện kỹ thuật cho các cuộc họp qua môi trường mạng nhằm tiết kiệm thời gian, chi phí và tăng số lượng người tham dự cuộc họp. Trong năm 2016, đã phục vụ 10 cuộc họp (Bộ GDĐT 02 cuộc, trong tỉnh 08 cuộc).

d) Các ứng dụng chuyên ngành :

Hiện nay, 100% các đơn vị thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo của tỉnh đã triển khai sử dụng thống nhất, đồng bộ các phần mềm ứng dụng trong toàn ngành như: Phần mềm quản lý nhân sự (PMIS), hệ thống sinh hoạt chuyên môn trường trực tuyến (truonghocketnoi.edu.vn), phần mềm kế toán MISA, quản lý thống kê giáo dục EMIS, hệ thống quản lý phổ cập giáo dục và xóa mù chữ tại 10 huyện/TP. Ngoài ra, ngành cũng đã trang bị các phần mềm hỗ trợ dạy và học cho toàn bộ giáo viên, học sinh của ngành và khuyến khích sử dụng phần mềm mã nguồn mở để tiết kiệm chi phí và tránh vi phạm bản quyền phần mềm.

Một số phần mềm do các trường chủ động thực hiện nhằm tăng cường sự quản lý học tập và rèn luyện học sinh như: Sổ liên lạc điện tử SMAS 3.0, hệ thống VnEdu,...

đ) Cổng thông tin điện tử

Cổng thông tin điện tử của Sở kết hợp với Công ty cổ phần phần mềm Quảng Ích triển khai thử nghiệm trong giai đoạn 2016-2017 (<http://hungyen.edu.vn>) đã đi vào hoạt động với hiệu quả tốt. Các đơn vị trực thuộc, các đơn vị trường học Mầm non, Tiểu học, THCS, THPT các TT GDNN-GDTX đều có trang thông tin điện tử là thành viên cổng thông tin điện tử của Sở, tuy nhiên một số đơn vị ít cập nhật thông tin, việc cung cấp thông tin, văn bản chưa kịp thời.

e) Hệ thống thông tin quản lý giáo dục (Eschool)

Sở GDĐT đã hợp tác với công ty cổ phần phần mềm Quảng Ích triển khai hệ thống thông tin quản lý giáo dục tới các đơn vị trường học. Từng bước xây dựng cơ sở dữ liệu toàn ngành; thực hiện tin nhắn điều hành tới các đơn vị cơ sở có hiệu

quả; khai thác thông tin trong cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác quản lý; Hoàn thiện một số hệ thống phục vụ cho công tác chuyên môn.

Các đơn vị nhà trường và các cơ quan quản lý giáo dục đã sử dụng hệ thống Eschool một cách hiệu quả. Phần đầu tới năm 2018 hệ thống Eschool sẽ chính thức đi vào hoạt động phục vụ tốt cho công tác quản lý điều hành của các cơ quan quản lý giáo dục. Các phần mềm Sở liên lạc điện tử do các đơn vị đã triển khai trước đó như Smas, VNPT School ... yêu cầu các đơn vị xây dựng công cụ kết nối vào hệ thống dữ liệu trung của toàn ngành.

3. Công tác đảm bảo an toàn thông tin

Nhìn chung, công tác bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong thời gian qua chưa đáp ứng yêu cầu. Internet và công nghệ thông tin hiện nay phát triển rất nhanh cả về số lượng, quy mô, công nghệ và độ phức tạp nên còn tồn tại cũng như liên tục phát sinh mới các điểm yếu, hầu như không áp dụng biện pháp đảm bảo ATTT và chưa có quy trình để ứng phó khi có sự cố xảy ra. Tỷ lệ máy tính được đầu tư trang bị phần mềm diệt virus (bao gồm, phần mềm miễn phí và trả phí) còn thấp

4. Hiện trạng về nguồn nhân lực ứng dụng CNTT

Toàn ngành có 100% đơn vị thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công việc; hầu hết cán bộ công chức biết sử dụng máy tính trong công việc, các đơn vị đều có cán bộ kiêm nhiệm phụ trách CNTT (chưa có cán bộ chuyên trách).

Số giáo viên dạy môn Tin học ở các cấp học: Tiểu học 81, THCS: 188, THPT 109 giáo viên.

5. Kết quả thực hiện kế hoạch ứng dụng CNTT :

*** Nhận xét:**

Nhìn chung, việc triển khai ứng dụng CNTT về cơ bản đã đạt được mục tiêu ứng dụng CNTT giai đoạn 2011-2015, góp phần cải cách hành chính, nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác dạy học, công tác quản lý. Hạ tầng kỹ thuật CNTT được đầu tư đảm bảo kết nối và triển khai các ứng dụng dùng chung để trao đổi thông tin trên môi trường mạng nhanh chóng, kịp thời, tiết kiệm thời gian và chi phí.

Công thông tin điện tử của Sở một số website của các đơn vị hoạt động có tác dụng tốt.

Các đơn vị nhà trường đã và đang sử dụng tốt các phần mềm: Smas, Misa, Thống kê trực tuyến, ePmis, Eschool....

Ngoài ra các công cụ được giáo viên sử dụng phổ biến trong các cơ sở GDĐT tại Hưng Yên: LectureMAKER; Adobe Presenter, Camtasia và Adobe Captivate, Adobe Flash, Adobe Photoshop...

*** Hạn chế**

Nhận thức của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức về vai trò của ứng dụng CNTT chưa cao, tỷ lệ sử dụng thư điện tử, việc sử dụng các phần mềm, hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc còn hạn chế.

Còn một số cơ sở giáo dục nằm trong khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, việc đầu tư cho cơ sở vật chất, hạ tầng CNTT thấp nên chưa thực hiện tốt nhiệm vụ CNTT trong năm học.

Chưa có cơ sở dữ liệu toàn ngành, chưa có hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến tối thiểu mức độ 3, 4. Quản lý hành chính xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng còn thấp.

Tỷ lệ các cuộc họp trực tuyến qua mạng chưa cao.

Đội ngũ cán bộ phụ trách công tác CNTT tại các cơ sở kiêm nhiệm nhiều công tác khác trong khi đó chưa có cơ chế đãi ngộ thích hợp, một số cán bộ trình độ còn hạn chế dẫn đến chất lượng và hiệu quả công tác chưa cao.

III. KẾ HOẠCH TĂNG CƯỜNG ỨNG DỤNG CNTT TRONG QUẢN LÝ VÀ HỖ TRỢ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY-HỌC, NGHIÊN CỨU KHOA HỌC GÓP PHẦN NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GD&ĐT, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2025.

1. Mục tiêu tổng quát

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin nhằm đẩy mạnh triển khai chính phủ điện tử, cung cấp dịch vụ công trực tuyến trong hoạt động quản lý, điều hành tại Sở GD&ĐT, phòng GD&ĐT; đổi mới nội dung, phương pháp dạy - học, kiểm tra, đánh giá và nghiên cứu khoa học, công tác quản lý tại các cơ sở giáo dục đào tạo trong toàn tỉnh góp phần hiện đại hóa và nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu đến năm 2020

- Trong công tác quản lý, điều hành:
 - + Xây dựng cơ sở dữ liệu toàn ngành giáo dục và đào tạo;
 - + Phấn đấu 100% các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, các cơ sở giáo dục và đào tạo thực hiện quản lý hành chính xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng;
 - + 80% cuộc họp giữa Sở GD&ĐT với Phòng GD&ĐT, cơ sở giáo dục được áp dụng hình thức trực tuyến;
 - + 80% lớp bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục được thực hiện qua mạng theo phương thức học tập kết hợp (blended learning);
 - + 50% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến tối thiểu mức độ 3, trong đó 30% được xử lý trực tuyến ở mức độ 4;
- Trong đổi mới nội dung, phương pháp dạy - học, kiểm tra đánh giá, nghiên cứu khoa học và công tác quản lý:
 - + Đối với các cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên: Hình thành kho học liệu số dùng chung toàn ngành, gồm: Bài giảng, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác.

Phấn đấu 100% cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà trường; trong đó 100% trường học sử dụng sổ quản lý điện tử.

+ Đối với khối Giáo dục Đại học: Hình thành cổng thông tin thư viện điện tử toàn ngành liên thông, chia sẻ học liệu với các cơ sở đào tạo; áp dụng phương thức học tập kết hợp; phát triển một số mô hình đào tạo trực tuyến (cyber university).

b) Định hướng đến năm 2025

Mức độ ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học đạt trình độ tiên tiến trong khu vực ASEAN, đáp ứng mục tiêu, yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Công nghệ thông tin trở thành động lực đổi mới quản lý, nội dung, phương pháp dạy - học, kiểm tra đánh giá trong giáo dục và đào tạo.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Triển khai, đưa vào sử dụng hệ thống CNTT theo hướng hiện đại, thiết thực, hiệu quả đáp ứng yêu cầu ở các cơ quan quản lý, cơ sở giáo dục và đào tạo;

- Xây dựng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng thông tin, tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử

+ Nâng cấp hạ tầng kết nối truy cập Internet băng thông rộng tốc độ cao ở tất cả các đơn vị thuộc ngành GDĐT.

+ Xây dựng hệ thống hạ tầng thông tin ngành GDĐT tập trung theo mô hình điện toán đám mây phục vụ quản lý, dạy và học của các cơ quan, đơn vị.

+ Xây dựng, nâng cấp, duy trì, vận hành ổn định hệ thống phòng họp trực tuyến qua mạng giữa Sở GDĐT với các đơn vị.

+ Trang bị đủ máy tính cho cán bộ, công chức, viên chức sở, phòng GDĐT; thay máy tính cá nhân mới cho các máy đã khấu hao hết hoặc cấu hình quá thấp; trang bị và cập nhật những phần mềm mới phục vụ cho công tác.

+ Trang bị đủ máy tính cho các trường phục vụ nhu cầu dạy – học tin học.

- Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong quản lý, dạy học, kiểm tra đánh giá.

- Chú trọng đầu tư hệ thống CNTT cho các phòng thí nghiệm ở các cơ sở giáo dục đại học;

- Ưu tiên lồng ghép nguồn lực từ chương trình, đề án, hiện có, thuê dịch vụ CNTT và xã hội hóa.

2. Triển khai hệ thống thông tin quản lý, cơ sở dữ liệu

a) Triển khai hệ thống cổng thông tin điện tử toàn ngành giáo dục đi vào hoạt động chính thức năm 2017.

b) Triển khai hệ thống thông tin quản lý toàn ngành giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu kết nối, liên thông tích hợp, chia sẻ thông tin đối với các hệ thống thông tin từ tỉnh đến địa phương.

c) Triển khai hệ thống quản lý hành chính điện tử và liên thông toàn ngành; hệ thống họp, hội thảo, tập huấn chuyên môn qua mạng; bổ sung, cập nhật các dịch vụ công tối thiểu mức độ 3, đẩy mạnh ứng dụng CNTT tuyển sinh đầu cấp học.

d) Quản lý học sinh, quản lý giáo viên, quản lý thi, xếp thời khóa biểu sổ quản lý điện tử; tích hợp với trang tin điện tử của nhà trường trên môi trường mạng ở tất cả các cấp học mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên.

3. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin đổi mới nội dung, phương pháp dạy - học, kiểm tra đánh giá và nghiên cứu khoa học

a) Xây dựng và thường xuyên cập nhật kho học liệu số dùng chung phục vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trong toàn ngành, gồm: Bài giảng điện tử, học liệu số đa phương tiện, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác.

b) Tiếp tục xây dựng và thường xuyên cập nhật hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến của các môn học và phần mềm kiểm tra, đánh giá tập trung qua mạng phục vụ học sinh, giáo viên giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

c) Ứng dụng dạy - học thông minh ở các cơ sở giáo dục và đào tạo, địa phương có đủ điều kiện trên nguyên tắc thiết thực, hiệu quả.

d) Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện cổng thư viện số (giáo trình, bài giảng, học liệu số) liên thông, chia sẻ học liệu với các cơ sở đào tạo đại học nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu, đào tạo.

e) Triển khai hệ thống học tập trực tuyến tại các cơ sở đào tạo đại học; lựa chọn, sử dụng các bài giảng trực tuyến của nước ngoài phù hợp với điều kiện trong nước.

f) Hình thành một số cơ sở đào tạo đại học trực tuyến trên cơ sở các trường hiện có bằng nguồn vốn đầu tư của nước ngoài, doanh nghiệp.

4. Nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên

- Xây dựng, kiện toàn đội ngũ cán bộ phụ trách CNTT của các đơn vị có đủ năng lực, trình độ chuyên môn giúp đơn vị triển khai ứng dụng CNTT có hiệu quả.

+ Tăng cường quản lý, bồi dưỡng, tập huấn cán bộ quản lý, giáo viên trực tuyến, trên môi trường mạng, thường xuyên cập nhật nội dung các khóa đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin.

+ Thí điểm bồi dưỡng giáo viên về kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin tiếp cận chuẩn quốc tế tại một số cơ sở giáo dục và đào tạo có đủ điều kiện.

- *Phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin chuyên trách chất lượng cao*

+ Triển khai các chương trình đào tạo tiên tiến tại các trường CĐ theo lựa chọn của Bộ GDĐT.

+ Lựa chọn, sử dụng chương trình, giáo trình, khóa học trực tuyến của nước ngoài; tăng cường dạy - học công nghệ thông tin bằng tiếng Anh và các ngoại ngữ khác; tổ chức các khóa bồi dưỡng kỹ năng mềm, kỹ năng làm việc thực tế; áp dụng các chuẩn sát hạch tiên tiến trong các cơ sở giáo dục đại học trọng điểm về công nghệ thông tin.

6. Đẩy mạnh hợp tác với các doanh nghiệp, tổ chức và hiệp hội công nghệ thông tin trong và ngoài nước

a) Tăng cường hợp tác, giới thiệu các giải pháp công nghệ tiên tiến về công nghệ thông tin áp dụng, triển khai trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

b) Thu hút nguồn vốn của doanh nghiệp thông qua hình thức hợp tác công tư (PPP) để đầu tư xây dựng các hệ thống công nghệ thông tin trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, ưu tiên xây dựng hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến, hệ thống học tập trực tuyến, kho học liệu số dùng chung, cơ sở dữ liệu toàn ngành.

c) Ưu tiên thuê dịch vụ công nghệ thông tin do các doanh nghiệp cung cấp phục vụ lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

7. Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về vai trò, ý nghĩa của ứng dụng CNTT trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

+ Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về vai trò, ý nghĩa của ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động quản lý, dạy - học, nghiên cứu khoa học.

+ Tổ chức các khóa bồi dưỡng, nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, đổi mới nội dung, phương pháp dạy - học, kiểm tra, đánh giá.

8. Hoàn thiện cơ chế chính sách và tăng cường giám sát, đánh giá.

a) Xây dựng các văn bản đảm bảo môi trường pháp lý cho các hoạt động quản lý, dạy-học, nghiên cứu khoa học trên môi trường điện tử; lồng ghép các chính sách, nội dung về ứng dụng CNTT khi xây dựng các văn bản của tỉnh.

b) Xây dựng, ban hành quy chế về ứng dụng và khai các cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

c) Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện các văn bản pháp luật, cơ chế, chính sách về ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, dạy - học, nghiên cứu khoa học.

d) Hàng năm, tổ chức đánh giá, công bố chỉ số xếp hạng công tác ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan quản lý giáo dục, nhà trường và công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

đ) Biểu dương, khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích tiêu biểu đồng thời nhắc nhở, kiểm điểm các tổ chức, cá nhân chưa hoàn thành tốt nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy - học, kiểm tra, đánh giá, nghiên cứu khoa học.

V. KINH PHÍ TRIỂN KHAI

- Nguồn ngân sách nhà nước chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo theo phân cấp ngân sách;

- Nguồn kinh phí lồng ghép trong các chương trình, đề án đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt để triển khai ứng dụng CNTT cho ngành GDĐT.

- Huy động các nguồn vốn khác nhau trong và ngoài nước để phát triển hạ tầng công nghệ, nguồn vốn ODA và hợp tác với nước ngoài để thực hiện các nhiệm vụ, dự án ứng dụng CNTT.

- Nguồn thu của các cơ sở giáo dục và đào tạo; nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; các nguồn vốn xã hội hóa khác.

- Ưu tiên triển khai các nhiệm vụ, dự án của Kế hoạch theo hình thức thuê dịch vụ CNTT, hợp tác công tư (PPP).

VI. TIỀN ĐỘ VÀ KHÁI TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN

TT	Thời gian	Nội dung thực hiện	Kinh phí (đ)
1	Năm 2017	Kinh phí triển khai cổng thông tin điện tử của ngành	4,000,000,000
2	Năm 2018	Kinh phí triển khai hệ thống thông tin quản lý giáo dục	3,500,000,000
3	Năm 2019	Kinh phí xây dựng và cập nhật hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến của các môn học và phần mềm kiểm tra, đánh giá tập trung qua mạng phục vụ học sinh, giáo viên	5,000,000,000
		Kinh phí triển khai hệ thống phục vụ việc xử lý trực tuyến các thủ tục hành chính mức độ 3, 4	1,000,000,000
4	Năm 2020	Xây dựng và thường xuyên cập nhật kho học liệu số dùng chung phục vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trong toàn ngành, gồm: Bài giảng điện tử, học liệu số đa phương tiện, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác	6,000,000,000
			19,500,000,000

Ngoài ra, các địa phương, đơn vị chủ động cân đối kinh phí nâng cấp hạ tầng CNTT tại các cơ quan, đơn vị trong toàn ngành theo kế hoạch bảo đảm phù hợp, hiệu quả.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, phối hợp với các sở ngành, UBND các huyện/TP tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện; tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện kế hoạch; đề xuất, kiến nghị UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch trong trường hợp cần thiết.

- Cụ thể hóa các nội dung của kế hoạch trong hướng dẫn nhiệm vụ công nghệ thông tin hàng năm của ngành GDĐT nhằm đảm bảo ứng dụng CNTT đồng bộ và đúng tiến độ.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện các nhiệm vụ quy định tại kế hoạch này

2. Sở Thông tin và Truyền thông

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện các nội dung về ứng dụng công nghệ thông tin, dịch vụ công nghệ thông tin, phát triển nhân lực công nghệ thông tin của kế hoạch.

3. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và UBND các huyện/TP bố trí kinh phí thường xuyên để thực hiện kế hoạch; giao, phân bổ dự toán chi ngân sách; cấp phát kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định của pháp luật.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các sở, ngành, địa phương có liên quan bố trí nguồn vốn, lập kế hoạch đầu tư phát triển theo cơ chế hỗ trợ để thực hiện Kế hoạch theo quy định của pháp luật; hướng dẫn quản lý đầu tư thực hiện các nội dung thuộc kế hoạch.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo trong việc tuyên truyền, thực hiện các nội dung Kế hoạch.

Hướng dẫn, theo dõi, tổ chức thẩm định nghiệm thu và phổ biến sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học ứng dụng CNTT nâng cao chất lượng Giáo dục Đào tạo.

6. Ủy ban nhân dân các huyện/TP.

Căn cứ vào mục tiêu, nội dung, giải pháp của kế hoạch để cụ thể hóa trong các chương trình, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; chỉ đạo các phòng giáo dục và đào tạo, các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý triển khai và bố trí kinh phí thực hiện theo quy định.

Tổ chức đánh giá kết quả thực hiện gửi Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy (báo cáo);
- TT HĐND tỉnh (báo cáo);
- Đ/c Chủ tịch và PCT UBND tỉnh;
- Ban VHXH, HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể Tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu VT, VP.

CHỦ TỊCH